



Phụ lục

CÔNG KHAI ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2026 CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

(Kèm theo Quyết định số 204/QĐ-TNNQG ngày 28 tháng 4 năm 2026 của Tổng Giám đốc Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán năm 2025 phân bổ cho các đơn vị	Dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026								
			Văn phòng Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước	Liên đoàn Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước miền Bắc	Liên đoàn Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước miền Trung	Liên đoàn Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước miền Nam	Trung tâm Chất lượng và Bảo vệ tài nguyên nước	Trung tâm Công nghệ và Dữ liệu tài nguyên nước	Viện Quy hoạch Thủy Lợi	Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam	Viện Khoa học tài nguyên nước
A	DỰ TOÁN CHI NSNN	175.094	16.720	15.081	23.215	10.578	8.999	17.326	42.183	23.265	17.727
A.1	CHI SỰ NGHIỆP	175.094	16.720	15.081	23.215	10.578	8.999	17.326	42.183	23.265	17.727
	Vốn trong nước	175.094	16.720	15.081	23.215	10.578	8.999	17.326	42.183	23.265	17.727
I	SỰ NGHIỆP KHOA HỌC	20.328	836	498				7.482	2.000	1.000	8.512
I.1	LOẠI 100 - KHOẢN 101	19.354	774	498				6.570	2.000	1.000	8.512
	Vốn trong nước	19.354	774	498				6.570	2.000	1.000	8.512
1	Chi thường xuyên										
2	Chi không thường xuyên										
3	KP thực hiện nhiệm vụ KHCN	19.354	774	498				6.570	2.000	1.000	8.512
a	Nhiệm vụ KHCN cấp Bộ	19.354	774	498				6.570	2.000	1.000	8.512
a.1	Đề tài cấp Bộ	19.354	774	498				6.570	2.000	1.000	8.512
a.1.1	Chuyển tiếp	15.653						5.542	2.000	1.000	7.111
-	Kinh phí khoán chi	10.517						3.901	1.950	946	3.720
-	Kinh phí không khoán chi	5.136						1.641	50	54	3.391
a.1.2	Mở mới	3.701	774	498				1.028			1.401
-	Kinh phí khoán chi	3.229	704	379				916			1.230
-	Kinh phí không khoán chi	472	70	119				112			171
a.2	Đề tài cấp cơ sở										
-	Kinh phí khoán chi										
-	Kinh phí không khoán chi										
b	Nhiệm vụ KHCN khác										
I.2	LOẠI 100 - KHOẢN 121	974	62					912			
	Vốn trong nước	974	62					912			
1	Kinh phí giao tự chủ										
2	KP thực hiện nhiệm vụ KHCN										

TT	Nội dung	Dự toán năm 2025 phân bổ cho các đơn vị	Dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026								
			Văn phòng Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước	Liên đoàn Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước miền Bắc	Liên đoàn Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước miền Trung	Liên đoàn Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước miền Nam	Trung tâm Chất lượng và Bảo vệ tài nguyên nước	Trung tâm Công nghệ và Dữ liệu tài nguyên nước	Viện Quy hoạch Thủy Lợi	Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam	Viện Khoa học tài nguyên nước
3	KP thực hiện nhiệm vụ thường xuyên										
4	KP thực hiện nhiệm vụ không thường xuyên	974	62					912			
b	Nhiệm vụ KHCN khác										
II	SỰ NGHIỆP KINH TẾ	138.591	15.794	14.322	23.046	10.354	1.442	6.985	40.183	22.265	4.200
II.1	SỰ NGHIỆP KINH TẾ (LOẠI 280 KHOẢN 332)	76.143	15.794	14.322	23.046	10.354	1.442	6.985			4.200
II.1.1	Chi thường xuyên										
1	Vốn trong nước										
a	Nhiệm vụ chuyên môn										
a.1	Nhiệm vụ Chính phủ										
-	Nhiệm vụ chuyển tiếp										
a.2	Nhiệm vụ chuyên môn cấp Bộ										
-	Nhiệm vụ chuyển tiếp										
b	Chi nhiệm vụ đặc thù										
II.1.2	Chi không thường xuyên	76.143	15.794	14.322	23.046	10.354	1.442	6.985			4.200
	Vốn trong nước	76.143	15.794	14.322	23.046	10.354	1.442	6.985			4.200
a	Nhiệm vụ chuyên môn	24.693	4.143	2.165	5.637	1.522	752	6.274			4.200
a.1	Nhiệm vụ Chính phủ										
-	Nhiệm vụ chuyển tiếp										
a.2	Nhiệm vụ chuyên môn cấp Bộ	24.693	4.143	2.165	5.637	1.522	752	6.274			4.200
-	Nhiệm vụ chuyển tiếp	24.493	4.143	2.165	5.637	1.322	752	6.274			4.200
-	Nhiệm vụ mở mới	200				200					
a.3	Nhiệm vụ Quy hoạch										
	Nhiệm vụ chuyển tiếp										
b	Chi nhiệm vụ đặc thù	49.330	11.651	10.957	17.409	7.912	690	711			
c	Mua sắm	2.120		1.200		920					
d	Sửa chữa	-									
e	Vốn đối ứng										
II.2	SỰ NGHIỆP KINH TẾ (LOẠI 280 KHOẢN 283)	61.379							40.183	21.196	

TT	Nội dung	Dự toán năm 2025 phân bổ cho các đơn vị	Dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026								
			Văn phòng Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước	Liên đoàn Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước miền Bắc	Liên đoàn Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước miền Trung	Liên đoàn Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước miền Nam	Trung tâm Chất lượng và Bảo vệ tài nguyên nước	Trung tâm Công nghệ và Dữ liệu tài nguyên nước	Viện Quy hoạch Thủy Lợi	Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam	Viện Khoa học tài nguyên nước
II.2.1	Chi thường xuyên										
II.2.2	Chi không thường xuyên	61.379							40.183	21.196	
1	Vốn trong nước	57.440							36.244	21.196	
a	Nhiệm vụ chuyên môn	23.292							8.136	15.156	
a.1	Nhiệm vụ Chính phủ										
-	Nhiệm vụ chuyển tiếp										
a.2	Nhiệm vụ chuyên môn cấp Bộ	10.200							5.200	5.000	
-	Nhiệm vụ chuyển tiếp	6.200							1.200	5.000	
-	Nhiệm vụ mở mới	4.000							4.000		
a.3	Nhiệm vụ Quy hoạch	13.092							2.936	10.156	
	Nhiệm vụ chuyển tiếp	13.092							2.936	10.156	
b	Chi nhiệm vụ đặc thù	34.148							28.108	6.040	
c	Mua sắm										
d	Sửa chữa	-									
2	Vốn đối ứng	570							570		
3	Vốn nước ngoài	3.369							3.369		
II.3	SỰ NGHIỆP KINH TẾ (LOẠI 280 KHOẢN 338)	1.069								1.069	
II.3.1	Vốn trong nước	1.069								1.069	
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên										
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.069								1.069	
III	SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	16.175	90	261	169	224	7.557	2.859	-	-	5.015
III.1	SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG (LOẠI 250-251)	2.235	90	261	169	224	1.491	-	-	-	-
III.1.1	Chi thường xuyên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
III.1.2	Chi không thường xuyên	2.235	90	261	169	224	1.491	-	-	-	-
1	Vốn trong nước	2.235	90	261	169	224	1.491	-	-	-	-
a	Nhiệm vụ chuyên môn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
b	Chi nhiệm vụ đặc thù	2.235	90	261	169	224	1.491				

TT	Nội dung	Dự toán năm 2025 phân bổ cho các đơn vị	Dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026								
			Văn phòng Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước	Liên đoàn Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước miền Bắc	Liên đoàn Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước miền Trung	Liên đoàn Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước miền Nam	Trung tâm Chất lượng và Bảo vệ tài nguyên nước	Trung tâm Công nghệ và Dữ liệu tài nguyên nước	Viện Quy hoạch Thủy Lợi	Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam	Viện Khoa học tài nguyên nước
III.2	SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG (LOẠI 250-278)	13.940	-	-	-	-	6.066	2.859	-	-	5.015
III.2.1	Chi thường xuyên	-		-	-	-	-	-	-	-	-
III.2.2	Chi không thường xuyên	13.940		-	-	-	6.066	2.859	-	-	5.015
1	Vốn trong nước	13.940		-	-	-	6.066	2.859	-	-	5.015
a	Nhiệm vụ chuyên môn	13.940		-	-	-	6.066	2.859	-	-	5.015
a.1	Nhiệm vụ Chính phủ										
	Nhiệm vụ chuyển tiếp	-									
	Nhiệm vụ mở mới	-									
a2	Nhiệm vụ chuyên môn cấp Bộ	13.940		-	-	-	6.066	2.859	-	-	5.015
	Nhiệm vụ chuyển tiếp	6.066					6.066				
	Nhiệm vụ mở mới	7.874						2.859			5.015
b	Chi nhiệm vụ đặc thù	-									